

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 26/2021/ST-HNGĐ

Ngày: 19/4/2021

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Ngọc L

2. Ông Võ Đức T

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị M- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 46/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Kim C, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 6, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Hữu T, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 6, xã Lộc Hưng huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/01/2021 và tại phiên Tòa nguyên đơn bà Đặng Thị Kim C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà Chi tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với ông Phạm Hữu T tại UBND xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước ngày 18/6/2008. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do ông Thừa có quan hệ với người con gái khác và vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống không còn hạnh phúc. Nay nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên bà Chi xin được ly hôn với ông Thừa.

Về con chung: Vợ chồng có 01(một) người con chung tên Phạm Hữu K, sinh ngày 09/6/2009 khi ly hôn bà Chi có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ: Không có

Theo bản lấy lời khai ngày 25/3/2019 bị đơn ông Phạm Hữu T trình bày:

Ông Thừa thống nhất với lời trình bày của bà Chi về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, ông Thừa có thừa nhận giữa vợ chồng có bất đồng quan điểm nhưng không trầm trọng, ông cũng đang có sự mật thiết với người con gái khác, nhưng vẫn còn tình cảm với bà Chi, nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01(một) người con chung tên Phạm Hữu Khang, sinh ngày 09/6/2009, trong trường hợp ly hôn thì ông đồng ý để bà Chi nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ: Không có

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên Tòa:

Về việc chấp hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị về tố tụng.

Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Kim C

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Kim C được ly hôn với ông Phạm Hữu T.
- Về con chung: Giao người con chung tên Phạm Hữu K, sinh ngày 09/6/2009 cho bà Chi tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.
- Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Đặng Thị Kim C có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Phạm Hữu T. Bà Chi và ông Thừa có hộ khẩu thường trú và làm ăn sinh sống tại ấp 6, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, được quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Thừa, ông Thừa đã có ý kiến trình bày và có đơn xin vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Thừa theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Bà Chi và ông Thừa tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn. Ngày 18/6/2008 ông Thừa, bà Chi được UBND xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số I/2008, vì vậy hôn nhân của bà Chi và ông Thừa là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Chi thì xác định không còn tình cảm nên kiên quyết được ly hôn, ông Thừa có đơn xin vắng mặt, đồng thời ông cũng thừa nhận hiện đang có sự mật thiết với người con gái khác, trong cuộc sống vợ chồng cũng có bất đồng quan điểm. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa bà Chi và ông Thừa đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Chi được ly hôn với ông Thừa.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01(một) người con chung tên Phạm Hữu K, sinh ngày 09/6/2009, hiện cháu Khang đang ở với mẹ, xét nguyện vọng của cháu Khang được ở với mẹ nên cần giao cho bà Chi tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Bà Chi không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà Chi phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Kim C.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Kim C được ly hôn với ông Phạm Hữu T.

- Về con chung: Giao người con chung tên Phạm Hữu K, sinh ngày 09/6/2009 cho bà Chi tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/ Về án phí: Buộc bà Chi phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí bà Chi đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 019546 ngày 24 tháng 02 năm 2021.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài N

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ'

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA